TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2018/QĐST-HNGĐ

Điện Bàn, ngày 28 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Hướng dẫn số 310/TANDTC-PC ngày 11/10/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao về việc: Hướng dẫn nghiệp vụ, triển khai thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Phúc V- Sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn 5, xã TS, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam

2. Bà Huỳnh Thị Phương T- Sinh năm 1993

Nơi cư trú: Khối TN, phường ĐN, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Phúc V và bà Huỳnh Thị Phương T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TS, huyện Tiên Phước. Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Phúc V và bà Huỳnh Thị Phương T hợp pháp. Trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Lê Phúc V và bà Huỳnh Thị Phương T thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Có 1 con chung Lê Yến N- Sinh ngày 05/11/2016. Hai đương sự thỏa thuận giao con Lê Yến N cho bà Huỳnh Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Phúc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ tháng 12/2018 đến khi Lê Yến N đủ 18 tuổi. Ông Lê Phúc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Tự giải quyết

[4] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự bà Huỳnh Thị Phương T và ông Lê Phúc V tự nguyện nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thuận tình ly hôn và thỏa thuận việc nuôi con, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Phương T và ông Lê Phúc V thuận tình ly hôn.

b) Về con chung: Có 1 con chung

Giao con Lê Yến N - Sinh ngày 05/11/2016 cho bà Huỳnh Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. (Lê Yến N hiện nay đang sống cùng bà Huỳnh Thị Phương T).

Ông Lê Phúc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện định kỳ hằng tháng là: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 12/2018 đến khi Lê Yến N đủ 18 tuổi.

Ông Lê Phúc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Tự giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Huỳnh Thị Phương T và ông Lê Phúc V tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (bà trăm nghìn đồng) tại biên lại thu số 0001578 ngày 20/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Huỳnh Thị Phương T và ông Lê Phúc V đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự**.**

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- UBND xã TS, huyện Tiên Phước;
-TAND tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Nhung